

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh An Giang năm 2022

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét Tờ trình số 707/TTr-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh An Giang năm 2022; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh An Giang năm 2022.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang Khóa X Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021, có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2021 và thay thế Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh An Giang năm 2017, Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh An Giang năm 2017 ban hành kèm theo Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVN tại AG, Báo Nhân dân tại AG, Truyền hình Quốc hội tại tỉnh Kiên Giang;
- Báo An Giang, Đài PT-TH An Giang;
- Website tỉnh, Trung tâm Công báo - Tin học, Cổng thông tin điện tử Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Công tác HĐND-M.

CHỦ TỊCH



Lê Văn Nưng

QUY ĐỊNH

Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh An Giang năm 2022

*(Kèm theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)*



Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh An Giang áp dụng cho năm ngân sách 2022 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022, Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022.

2. Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới, thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách tại Quy định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Sở, ban, ngành, đoàn thể, các cơ quan khác ở cấp tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi là các cơ quan, đơn vị và địa phương).

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

Chương II

NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYẾN NGÂN SÁCH TỈNH AN GIANG NĂM 2022

Điều 3. Nguyên tắc, tiêu chí

Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh An Giang năm 2022 được xây dựng cho các lĩnh vực chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, trên cơ sở:

1. Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương năm 2022, Kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025 được Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn tại Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn kế hoạch tài chính 5 năm tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025; Nhiệm vụ kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 theo Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Tăng cường tính chủ động, gắn với chức năng, nhiệm vụ, chế độ, chính sách chi ngân sách nhà nước.

3. Triệt để tiết kiệm; giảm các khoản chi hội nghị, hội thảo, các đoàn đi công tác nước ngoài.

4. Biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao (theo lộ trình tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; trường hợp cơ quan, đơn vị và địa phương sử dụng biên chế vượt chỉ tiêu được giao, thì cơ quan, đơn vị và địa phương tự chịu trách nhiệm cân đối chi từ dự toán đã được giao).

5. Bảo đảm chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ và mức tiền lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng.

6. Căn cứ dự toán đã được Hội đồng nhân dân các cấp quyết định, Ủy ban nhân dân cùng cấp phân bổ dự toán cho các cơ quan, đơn vị và địa phương cấp dưới, đảm bảo đầy đủ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi đã được xác định ngay từ đầu năm. Ủy ban nhân dân các cấp tiếp tục thẩm định, phân bổ trong năm cho các đơn vị và địa phương cấp dưới khi xác định được nhiệm vụ chi, đầy đủ cơ sở pháp lý và chủ trương của cấp có thẩm quyền.

7. Từ năm ngân sách 2022, việc ban hành và thực hiện chế độ mới làm tăng chi ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 9 của Luật Ngân sách nhà nước, cụ thể: Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm; việc ban hành và thực hiện chính sách, chế độ mới làm tăng chi ngân sách phải có giải pháp bảo đảm nguồn tài chính, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách từng cấp.

8. Đối với các chế độ, chính sách do Trung ương ban hành trong thời kỳ ổn định ngân sách mới, thực hiện như sau: Các chế độ, chính sách do ngân sách Trung ương đảm bảo, thì phân bổ theo mức được Trung ương giao; các chế độ, chính sách do ngân sách địa phương đảm bảo, thì phân bổ theo khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

Điều 4. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục

1. Cấp tỉnh và huyện: Căn cứ vào biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao để tính dự toán chi, bao gồm các khoản sau:

a) Đối với số biên chế thực có mặt (trong phạm vi biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao): Trên cơ sở bảng lương hiện hành để tính dự toán chi tiền lương, phụ cấp (chức vụ, thâm niên vượt khung, thâm niên nghề), các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn), xác định bằng 81% so với tổng chi sự nghiệp giáo dục (không bao gồm chế độ, chính sách ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ và các tiêu chí bổ sung tại điểm đ khoản này) để tính chi cho hoạt động giảng dạy và học tập bằng 19% (chưa kể nguồn thu học phí).

b) Đối với số biên chế chưa có mặt (số biên chế chưa tuyển dụng trong phạm vi số biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao): Hệ số lương được tính bằng bậc 1 của ngạch chuyên viên là 2,34 để xác định dự toán chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương theo quy định.

c) Đối với các trường trên địa bàn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và trường chuyên biệt theo quy định của Chính phủ được tính thêm chế độ, chính sách theo quy định.

d) Định mức trên bao gồm tất cả các nội dung chi của các loại hình giáo dục (kể cả thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở), trừ các khoản chi về thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia (nếu có).

đ) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung bảo đảm các chế độ, chính sách, gồm: Chính sách phát triển giáo dục mầm non; hỗ trợ học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật; hỗ trợ học sinh phổ thông trung học vùng đặc biệt khó khăn; hỗ trợ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập.

2. Cấp xã: 49 triệu đồng/xã/năm.

Điều 5. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề

1. Cấp tỉnh: Phân bổ theo số sinh viên đào tạo chính quy theo chỉ tiêu được cơ quan có thẩm quyền giao:

a) Trường Chính trị Tôn Đức Thắng: 11,5 triệu đồng/học viên/năm.

b) Trường Cao đẳng nghề An Giang: 11 triệu đồng/sinh viên/năm.

c) Các Trường trung cấp (cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập): Tính toàn bộ dự toán chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn), xác định bằng 81% tổng chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề để tính chi cho hoạt động giảng dạy và học tập bằng 19% (chưa kể nguồn thu học phí). Trên cơ sở định mức này, yêu cầu các trường phải phấn đấu nâng mức tự chủ, tự đảm bảo nhu cầu chi từ nguồn thu của đơn vị.

2. Cấp huyện:

a) Chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương theo quy định và theo số biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao.

b) Chi hoạt động được phân bổ theo định mức: 1.600 triệu đồng/huyện/năm đối với huyện chưa có hoạt động dạy nghề và giáo dục thường xuyên; 2.000 triệu đồng/huyện/năm đối với huyện có hoạt động dạy nghề và giáo dục thường xuyên.

3. Cấp xã: 25 triệu đồng/xã/năm.

Điều 6. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình

1. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình:

a) Khám, chữa bệnh (không bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo toàn bộ chi đầu tư và chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên): Phân bổ 70 triệu đồng/giường bệnh/năm đối với bệnh viện tuyến tỉnh, huyện và phòng khám khu vực.

(Theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, đến hết năm 2021, cơ bản hoàn thành lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước: Tính đủ chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản cố định, chi phí khác theo quy định của pháp luật về giá).

b) Trạm Y tế xã: Các khoản chi tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương của cán bộ y tế xã; chi hoạt động 75 triệu đồng/xã/năm.

c) Y tế dự phòng, dân số, y tế khác: Các khoản chi tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương của cán bộ y tế; kinh phí hoạt động phân bổ theo điểm b khoản 1 Điều 7 Quy định này.

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, phân bổ cho y tế dự phòng tối thiểu bằng 30% ngân sách y tế, ưu tiên cho y tế cơ sở, bệnh viện ở vùng khó khăn, biên giới, các lĩnh vực phong, lao, tâm thần và các lĩnh vực khác.

d) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ phòng, chống bạo lực gia đình: Phân bổ theo nội dung chi và mức chi do Trung ương quy định, theo khối lượng công việc thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương.

2. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung: Được xác định trên cơ sở số đối tượng năm 2021; riêng đối tượng người thuộc hộ gia đình nghèo, cận nghèo được xác định trên cơ sở quyết định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về số hộ nghèo năm 2020 theo chuẩn nghèo quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020;

mức kinh phí ngân sách nhà nước đóng hoặc hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế.

3. Kinh phí khám chữa bệnh cho Ban Bảo vệ sức khỏe cán bộ: Bố trí theo khả năng cân đối ngân sách.

Điều 7. Định mức phân bổ chi quản lý hành chính

1. Nguyên tắc xác định dự toán chi đối với cơ quan quản lý hành chính các cấp: Định mức phân bổ dự toán chi quản lý hành chính bao gồm các khoản chi tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương và kinh phí hoạt động thường xuyên.

a) Chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn), được xác định là quỹ tiền lương, tính theo số biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao:

Đối với số biên chế thực có mặt: Căn cứ vào bảng lương tại thời điểm xây dựng dự toán để xác định dự toán chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương theo quy định hiện hành.

Đối với số biên chế chưa có mặt (số biên chế chưa tuyển dụng trong phạm vi số biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao): Hệ số lương được tính bằng bậc 1 của ngạch chuyên viên là 2,34 để xác định dự toán chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương theo quy định hiện hành.

b) Kinh phí hoạt động: Tính theo mức khoán/biên chế/năm (không bao gồm tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương quy định tại điểm a khoản này), theo số biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng/biên chế/năm

Đơn vị	Định mức phân bổ
1. Cấp tỉnh	
- Đảng, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân	50
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam	40
- Cơ quan quản lý nhà nước, Đơn vị còn lại (kể cả đoàn thể)	31
- Hội đặc thù, cơ quan khác	28
- Cơ quan quản lý nhà nước trực thuộc Sở	28
2. Cấp huyện	
- Đảng	40
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam	33
- Quản lý nhà nước	31
- Hội đặc thù, cơ quan khác	28

- Đơn vị còn lại (kể cả hội, đoàn thể)	28
3. Cấp xã	
- Đảng	21
- Quản lý nhà nước, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam	16
- Đơn vị còn lại (kể cả đoàn thể)	14
- Hoạt động khóm, ấp (triệu đồng/khóm, ấp/năm)	22

Định mức chi quản lý nhà nước cấp huyện: Bao gồm mức chi của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện và các phòng, ban thuộc cấp huyện. Căn cứ vào định mức nêu trên, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định cụ thể mức chi cho các phòng, ban trực thuộc (nhưng không cao hơn định mức chi của Quy định này).

2. Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được thực hiện theo nguyên tắc tự đảm bảo kinh phí hoạt động; ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ kinh phí cho các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân cùng cấp giao và chi hỗ trợ theo quy định hiện hành, theo khả năng cân đối ngân sách địa phương.

3. Các khoản chi nhiệm vụ đặc thù, mua sắm sửa chữa lớn tài sản cố định được bổ sung thêm ngoài định mức chi hoạt động nêu trên theo khả năng cân đối ngân sách địa phương hàng năm.

4. Chi hoạt động phục vụ công tác xử phạt vi phạm hành chính được bố trí dự toán chi theo hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương.

Điều 8. Định mức phân bổ dự toán đối với đơn vị sự nghiệp công lập

1. Thực hiện phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 cho các lĩnh vực sự nghiệp căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, định hướng đổi mới khu vực sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định của pháp luật về việc giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công. Trong đó:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi đầu tư và chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên. Đơn vị thực hiện báo cáo đầy đủ nguồn thu, nhiệm vụ chi năm hiện hành và dự kiến năm kế hoạch; gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, gửi Sở Tài chính cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên:

Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu phí được để lại chi để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công chưa tính đủ chi phí. Thực hiện khoán chi ngân sách hỗ trợ giai đoạn 2022 - 2025 và yêu cầu giảm tối thiểu 15% so với giai đoạn 2017 - 2021. Đồng thời, yêu cầu dành nguồn thu sự nghiệp của các đơn vị để thực hiện cải cách tiền lương, ngân sách chỉ hỗ trợ kinh phí thực hiện cải cách tiền lương tối đa theo tỷ lệ ngân sách hỗ trợ chi thường xuyên.

c) Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên: Được vận dụng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ như đối với lĩnh vực chi quản lý hành chính, theo khả năng cân đối của ngân sách địa phương. Tiếp tục giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước so với giai đoạn 2016 - 2020 trừ các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; đồng thời, thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên nguồn ngân sách tăng thêm hằng năm và sắp xếp từ nguồn dự toán ngân sách nhà nước được giao để thực hiện cải cách chính sách tiền lương.

2. Ngân sách nhà nước giảm cấp chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp công lập đối với các khoản chi đã được kết cấu vào giá dịch vụ theo lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ của từng lĩnh vực sự nghiệp công; dành kinh phí để tăng nguồn bảo đảm chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương, tăng chi mua sắm sửa chữa và tăng chi đầu tư phát triển.

3. Định mức phân bổ dự toán đối với đơn vị sự nghiệp công lập tại Điều này không áp dụng đối với các lĩnh vực: Giáo dục; đào tạo và dạy nghề; y tế, dân số và gia đình.

Điều 9. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa - thông tin

1. Cấp tỉnh: Phân bổ tăng 5% so dự toán chi ngân sách năm 2021. Ngoài ra, còn tính thêm các khoản trợ giá báo An Giang và các tạp chí của tỉnh theo nhu cầu và khả năng cân đối ngân sách.

2. Cấp huyện:

a) Phân bổ mức 1.000 triệu đồng/huyện, thị xã, thành phố.

b) Các huyện, thị xã, thành phố thuộc địa bàn biên giới, được phân bổ thêm 5% mức phân bổ tại điểm a khoản này.

Định mức trên bao gồm các hoạt động lễ hội hàng năm trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố. Riêng các khoản đặc thù lễ, hội năm chẵn được bổ sung theo khả năng cân đối ngân sách.

3. Cấp xã: 39 triệu đồng/xã/năm.

Điều 10. Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình

1. Sự nghiệp truyền thanh huyện: 1.000 triệu đồng/huyện, thị xã, thành phố/năm. Đối với các địa phương có thực hiện chương trình phát sóng tiếng dân tộc, được phân bổ thêm 5%.

2. Đài truyền thanh xã: 22 triệu đồng/xã/năm.

Điều 11. Định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục thể thao

1. Cấp tỉnh: Phân bổ tăng 5% so dự toán chi ngân sách năm 2021. Ngoài ra, còn tính thêm các khoản chi theo chế độ vận động viên, huấn luyện viên... theo nhu cầu và khả năng cân đối ngân sách.

2. Cấp huyện:

a) Phân bổ mức 1.000 triệu đồng/huyện, thị xã, thành phố.

b) Các huyện, thị xã, thành phố thuộc địa bàn biên giới, được phân bổ thêm 5% mức phân bổ tại điểm a khoản này.

3. Cấp xã: 25 triệu đồng/xã/năm.

4. Đối với kinh phí đảm bảo các hoạt động đại hội ngành: Tùy theo nhu cầu và khả năng cân đối ngân sách để bố trí.

Điều 12. Định mức phân bổ chi bảo đảm xã hội

1. Cấp tỉnh: Phân bổ tăng 5% so dự toán chi ngân sách năm 2021.

2. Cấp huyện: 4.900 triệu đồng/huyện, thị xã, thành phố.

3. Cấp xã: 49 triệu đồng/xã/năm.

4. Phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

a) Chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội; chi phí quản lý và chi phí chi trả cho đối tượng qua bưu điện và tiền trợ cấp Tết cho đối tượng bảo trợ xã hội (nếu có).

b) Hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo quy định của pháp luật.

5. Đối với các địa phương thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thì được hưởng các chế độ, chính sách áp dụng đối với vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định.

Điều 13. Định mức phân bổ chi an ninh, trật tự, an toàn xã hội và chi quốc phòng

1. Cấp tỉnh: Bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương theo quy

định của Chính phủ về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh và theo khả năng cân đối ngân sách của địa phương hàng năm.

2. Cấp huyện:

a) Phân bổ mức 4.000 triệu đồng/huyện, thị xã, thành phố.

b) Các huyện, thị xã, thành phố thuộc địa bàn biên giới, được phân bổ thêm 10% mức phân bổ tại điểm a khoản này, để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ cột mốc biên giới (do đặc thù của địa bàn biên giới).

Định mức phân bổ tại khoản này bảo đảm cho toàn bộ các nhiệm vụ chi an ninh, trật tự, an toàn xã hội và chi quốc phòng. Căn cứ tình hình thực tế và yêu cầu nhiệm vụ tại từng địa phương, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phân bổ cụ thể kinh phí đảm bảo cho nhiệm vụ chi an ninh, trật tự, an toàn xã hội và chi quốc phòng.

3. Cấp xã:

a) Chi an ninh, trật tự, an toàn xã hội: Bố trí kinh phí đảm bảo thực hiện các chế độ, chính sách đối với Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã, Công an viên và kinh phí hoạt động của Công an xã thuộc nhiệm vụ chi của địa phương theo Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã và các văn bản quy định của cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) và theo khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

b) Chi quốc phòng: Bố trí kinh phí đảm bảo thực hiện các chế độ, chính sách và hoạt động của Dân quân tự vệ thuộc nhiệm vụ chi của địa phương theo Luật Dân quân tự vệ năm 2019; Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ và theo khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

Điều 14. Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học và công nghệ

1. Sự nghiệp khoa học và công nghệ được phân bổ tập trung ở cấp tỉnh, mức tối thiểu bằng với mức ngân sách Trung ương giao.

2. Hằng năm, căn cứ kế hoạch thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của địa phương được cấp thẩm quyền phê duyệt, phân bổ thêm kinh phí theo khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

Điều 15. Định mức phân bổ chi hoạt động kinh tế

1. Chi hoạt động sự nghiệp: Phân bổ tăng 5% so dự toán chi ngân sách năm 2021.

2. Đối với các khoản chi hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và hỗ trợ địa phương sản xuất lúa: Phân bổ theo mức Trung ương giao và theo chủ trương của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 16. Định mức phân bổ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường

1. Phân bổ trên cơ sở dự toán chi sự nghiệp bảo vệ môi trường được Trung ương giao và theo khả năng cân đối ngân sách địa phương, để thực hiện các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương theo quy định (đảm bảo không thấp hơn 1% tổng chi cân đối từng cấp ngân sách).

2. Đảm bảo kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường cả tỉnh và từng cấp ngân sách trong năm như: Bố trí vốn thực hiện các dự án xử lý ô nhiễm môi trường, hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn theo chủ trương của tỉnh; bố trí kinh phí hoạt động quan trắc; bố trí kinh phí cho các huyện, thị xã, thành phố thực hiện dịch vụ công ích, thu gom, vận chuyển, xử lý rác và nước thải... theo hợp đồng đặt hàng dịch vụ công ích trên địa bàn.

Điều 17. Chi khác của ngân sách địa phương

1. Phân bổ theo tỷ trọng bằng 0,5% tổng các khoản chi thường xuyên.

2. Phân bổ kinh phí cho Quỹ thi đua khen thưởng các cấp theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng hiện hành và theo khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

3. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đối ngoại:

a) Cấp tỉnh: Thực hiện theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Cấp huyện: Các huyện, thị xã, thành phố thuộc địa bàn biên giới được phân bổ kinh phí đối ngoại mức 1.200 triệu đồng/ huyện, thị xã, thành phố.

c) Cấp xã: Các xã, phường, thị trấn thuộc địa bàn biên giới, được phân bổ kinh phí đối ngoại mức 500 triệu đồng/ xã, phường, thị trấn.

4. Các khoản chi khác chưa được cơ cấu trong dự toán, theo khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

Điều 18. Đối với kinh phí thực hiện hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp và Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (không bao gồm đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi đầu tư và chi thường xuyên,

đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên), mà được cơ quan có thẩm quyền giao chỉ tiêu biên chế, thực hiện như sau:

1. Đối với cơ quan hành chính thì kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước bảo đảm và được bố trí trong dự toán chi thường xuyên ngoài quỹ tiền lương hàng năm của cơ quan theo quy định của pháp luật.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập thì kinh phí thực hiện được lấy từ nguồn tài chính ngoài quỹ tiền lương hàng năm của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật./.